

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 47

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 8 năm 2014



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61005161/16997923/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải và các công ty con ("Tập đoàn"), được trình bày từ trang 4 đến trang 47 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Hàng Nhật Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.197.087.443	7.245.958.383
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	278.357.110	504.764.737
111	1. Tiền		267.448.701	476.131.455
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.908.409	28.633.282
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	87.797.976	50.529.517
121	1. Đầu tư ngắn hạn		92.862.824	55.594.365
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(5.064.848)	(5.064.848)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.628.616.326	2.381.929.930
131	1. Phải thu khách hàng	6	822.103.707	994.497.035
132	2. Trả trước cho người bán	7	706.500.391	1.294.586.825
135	3. Các khoản phải thu khác	8	103.510.718	96.023.457
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(3.498.490)	(3.177.387)
140	IV. Hàng tồn kho	9	5.266.445.632	3.815.432.994
141	1. Hàng tồn kho		5.269.738.159	3.818.790.113
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.292.527)	(3.357.119)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		935.870.399	493.301.205
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	43.992.098	42.764.563
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		98.969.352	57.577.162
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.697.001	4.445.931
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	788.211.948	388.513.549
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.994.794.704	7.076.240.605
210	I. Khoản phải thu dài hạn		-	25.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác		-	25.000.000
220	II. Tài sản cố định		5.302.721.827	4.905.593.261
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.550.781.814	2.518.792.872
222	Nguyên giá		3.944.942.298	3.732.427.632
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.394.160.484)	(1.213.634.760)
227	2. Tài sản vô hình	13	2.239.973.812	2.001.338.626
228	Nguyên giá		2.288.560.699	2.042.201.237
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(48.586.887)	(40.862.611)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	511.966.201	385.461.763
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16	2.078.156.192	1.425.877.079
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	2.038.503.249	1.386.408.249
258	2. Đầu tư dài hạn khác	16.2	67.953.443	67.769.330
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(28.300.500)	(28.300.500)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		353.680.235	438.636.660
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	285.192.711	366.805.286
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	66.871.960	70.553.516
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.615.564	1.277.858
269	V. Lợi thế thương mại	18	260.236.450	281.133.605
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		16.191.882.147	14.322.198.988

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngân VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		9.444.563.722	9.028.315.369
310	I. Nợ ngắn hạn		8.365.230.759	7.661.983.469
311	1. Vay ngắn hạn	19	3.812.654.719	3.693.321.547
312	2. Phải trả người bán	20	3.409.832.673	2.993.824.445
313	3. Người mua trả tiền trước	21	148.920.457	121.411.941
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	810.711.770	600.965.937
315	5. Phải trả người lao động		15.617.523	11.980.245
316	6. Chi phí phải trả	23	79.333.258	168.308.084
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24	31.233.800	18.602.345
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	25	55.139.416	47.985.836
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.787.143	5.583.089
330	II. Nợ dài hạn		1.079.332.963	1.366.331.900
331	1. Phải trả người bán dài hạn		880.777	984.208
333	2. Phải trả dài hạn khác		17.580.604	16.503.178
334	3. Vay dài hạn	26	1.046.434.030	1.348.324.471
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		14.437.552	520.043
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.718.416.904	5.240.575.306
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.1	6.718.416.904	5.240.575.306
411	1. Vốn cổ phần		3.525.000.000	3.250.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.244.618.837	859.618.837
414	3. Cổ phiếu quỹ		(6.840.000)	(6.840.000)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		277.308	705.533
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.955.360.759	1.137.090.936
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		28.901.521	53.308.313
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		16.191.882.147	14.322.198.988

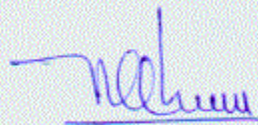
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

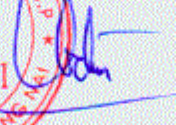
CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	522.805	805.489
- Yên Nhật (JPY)	657.025	3.023.292
- Won Hàn Quốc (KRW)	203.282	2.045.815



Đỗ Thị Liên Chi
Người lập



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng

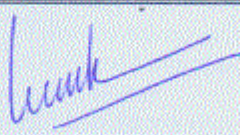
Trần Bá Dương
Chủ tịch

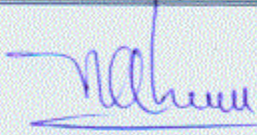
Ngày 25 tháng 8 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	9.938.915.187	6.253.886.683
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(964.901.642)	(538.493.640)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	8.974.013.545	5.715.393.043
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29, 32	(6.916.568.499)	(4.645.962.302)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.057.445.046	1.069.430.741
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	23.532.299	48.808.912
22	7. Chi phí tài chính	30	(242.058.741)	(309.524.364)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	30	(143.291.097)	(258.062.046)
24	8. Chi phí bán hàng	32	(330.550.953)	(273.225.075)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(257.767.120)	(200.829.566)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.250.600.531	334.660.648
31	11. Thu nhập khác	31	39.806.955	30.291.839
32	12. Chi phí khác	31	(9.124.290)	(17.382.393)
40	13. Lợi nhuận khác	31	30.682.665	12.909.446
45	14. Phần lỗ từ công ty liên kết		-	(486.604)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		1.281.283.196	347.083.490
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(33.469.464)	(16.315.001)
52	17. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	33.3	(3.681.556)	817.612
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.244.132.176	331.586.101
61	18.1 Lợi ích của các cổ đông thiểu số		2.612.643	(1.173.555)
62	18.2 Lợi nhuận thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		1.241.519.533	332.759.656
70	19. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.5	3.750	1.024


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 25 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.281.283.196	347.083.490
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	12, 13, 18	229.182.808	217.729.240
03	Trích lập các khoản dự phòng		256.511	4.027.068
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		43.081.926	3.412.408
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.379.360)	(5.902.899)
06	Chi phí lãi vay	30	143.291.097	258.062.046
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.690.716.178	824.411.353
09	Tăng các khoản phải thu		(260.267.759)	(59.938.810)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.450.948.046)	399.203.796
11	Tăng các khoản phải trả		598.281.999	855.096.203
12	Giảm chi phí trả trước		80.385.040	158.611.814
13	Tiền lãi vay đã trả		(168.301.348)	(254.892.533)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.2	(24.733.595)	(16.258.734)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(1.620.648)	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.660.443)	(36.043.289)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		458.851.378	1.870.189.800
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(606.159.954)	(345.088.463)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.583.994	190.408
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(47.775.100)	(31.651.828)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		28.241.696	128.933.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(101.015.318)	(264.674.773)
27	Lãi tiền gửi và cho vay, và cổ tức nhận được		8.307.259	4.445.006
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(716.817.423)	(507.846.650)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		660.000.000	-
33	Tiền vay nhận được		8.126.784.779	7.296.133.540
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(8.332.714.785)	(8.567.520.907)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ	27.3	(420.466.351)	(116.398)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số		(1.617.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		31.986.643	(1.271.503.765)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(225.979.402)	90.839.385
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		504.764.737	257.060.697
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(428.225)	(2.588.847)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		278.357.110	345.311.235

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 8 năm 2014